

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

VỀ YÊU SÁCH ĐƯỜNG CƠ SỞ THẲNG CỦA TRUNG QUỐC

TH S. NGUYỄN THANH MINH
Cục cảnh sát Biển

Lời giới thiệu

Ngày 15-5-1996 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã ra một bản Tuyên bố về đường cơ sở thẳng chạy dọc theo các phần thuộc bờ biển của mình. Từ đường cơ sở thẳng này, Trung Quốc đã đo chiều rộng lãnh hải của họ, đo vùng biển tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Bản Tuyên bố đã chỉ ra rằng chỉ có một phần trong đường cơ sở thẳng của Trung Quốc là đang được yêu sách tại thời điểm này. Qua văn bản này, các phần lãnh hải nằm kề đất liền và đường cơ sở của lãnh hải nằm kề quần đảo Hoàng Sa lại thuộc chủ quyền của Việt Nam mà phía Trung Quốc gọi là quần đảo Tây Sa. Điều đó đã vi phạm một cách trắng trợn chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và trái với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, luật Biển quốc tế và những quy định của Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế 1982.

Bản Tuyên bố không đề cập đến đường cơ sở của Trung Quốc từ điểm cuối

của ranh giới đất liền tiếp giáp với Bắc Triều Tiên tới điểm 1 của bản Tuyên bố (bao gồm cả khu vực eo biển Hoàng Hải), dọc theo bờ biển của Trung Quốc trên Vịnh Bắc Bộ, hoặc xung quanh những hòn đảo khác mà Trung Quốc có yêu sách chủ quyền trong khu vực Biển Đông.

Đây là lần đầu tiên Trung Quốc đưa ra yêu sách về đường cơ sở thẳng kể từ khi Trung Quốc đưa ra bản Tuyên bố của họ về lãnh hải ngày 4-9-1958. Trong bản Tuyên bố đó, Trung Quốc đã yêu sách rằng đường cơ sở để đo chiều rộng lãnh hải của Trung Quốc là “đường được cấu thành bởi các đường thẳng nối các điểm cơ sở trên bờ biển của đất liền và trên điểm xa cuối cùng của quần đảo ven bờ”. Tuy nhiên bản Tuyên bố không đưa ra các tọa độ địa lý cụ thể để xác định các điểm của đường cơ sở đó.

Ngày 25-2-1992, Trung Quốc thông qua Bộ Luật của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa về Lãnh hải và Vùng biển tiếp giáp. Một lần nữa ở đây Trung Quốc lại không chỉ rõ cụ thể về đường cơ sở,

ngoài Điều 3 của Bộ Luật đã tuyên bố rằng “phương pháp vạch đường cơ sở thẳng bằng cách vạch các đường thẳng nối liền các điểm cơ sở phụ cận sẽ được sử dụng để vạch đường cơ sở lãnh hải của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”. Cả bộ luật 1958 lẫn bộ luật 1992 cũng đều không đề cập đến dấu mực nước thủy triều thấp nhất được quy định như là đường cơ sở thông thường, *đây là điểm thiếu về luận cứ khoa học, không có cơ sở pháp lý quốc tế chiếu theo Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982*. Công ước 1982 đã quy định là: Đối với các quốc gia ven biển, các quốc gia quần đảo trên thế giới khi vạch đường cơ sở phải xác định được ngấn nước thủy triều thấp nhất.

1. Tuyên bố ngày 15-5-1996 của Trung Quốc

Trong bản Tuyên bố này, Trung Quốc đã yêu sách hai hệ thống về đường cơ sở thẳng. *Hệ thống thứ nhất* bao gồm 49 điểm cơ sở chạy dọc theo các vị trí địa hình đặc biệt trên bờ biển và ngay sát bờ biển và trên đảo Hải Nam bắt đầu từ điểm 1 (Shandonggaojiao) trên đầu mút phía Đông của bán đảo Sơn Đông (Shandong) nằm ở phía Đông Nam eo biển Hoàng Hải, kéo dài xuống phía Nam tới điểm 49 nằm trên bờ Tây của đảo Hải Nam. *Hệ thống thứ hai* bao gồm quần đảo Paracel (tức quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam), nằm ở phần phía Bắc của Biển Đông với 28 điểm cơ sở.

Trong bản Tuyên bố của mình, Trung Quốc đã không đưa ra các thông tin kỹ thuật về điểm cơ sở hoặc đường cơ sở. Đã không có một tuyên bố nào về số liệu, về vật hình cầu hoặc về kiểu đường thẳng thông thường được quy định trong Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982 (UNCLOS). Theo Điều 16 của UNCLOS, một quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo cần phải đưa ra công khai hải đồ hoặc bản liệt kê các tọa độ địa lý, có chỉ rõ cụ thể các số liệu về trắc địa trái đất. Các khoảng cách được tính theo Hệ Trắc địa Trái đất Thế giới năm 1984 (WGS 84).

2. Cơ sở pháp lý quốc tế để phân tích yêu sách đường cơ sở thẳng của Trung Quốc

Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982 đã phản ánh luật thông lệ quốc tế dành cho các nguyên tắc được áp dụng làm cơ sở cho việc thiết lập đường cơ sở một cách xác đáng và hợp pháp. Các quy tắc chỉ đạo việc vạch đường cơ sở nằm trong các điều từ Điều 5 đến Điều 11 và Điều 13 đến Điều 14 của UNCLOS. Điều 5 của UNCLOS đã quy định rằng “trừ những chỗ được tuyên bố khác trong Công ước này, thì đường cơ sở thông thường dùng để đo chiều rộng lãnh hải là đường chỉ mực nước thủy triều thấp nhất chạy dọc theo bờ biển”. Mục 1 của Điều 7 là mục có tầm quan trọng hàng đầu có nhiệm vụ xác lập các điều kiện địa lý cần phải được đáp ứng khi một quốc gia ven biển muốn yêu sách đường cơ sở thẳng tại những vị trí cụ thể.

Mục này đã quy định rằng đường cơ sở thẳng chỉ có thể được vẽ trong hai tình huống địa lý đặc thù, đó là: (a) “Ở những nơi mà đường bờ biển cắt sâu vào đất liền”, hoặc (b) “nếu có một dãy đảo chạy bao quanh dọc theo bờ biển ngay sát bên”.

Mục đích của việc cho phép sử dụng đường cơ sở thẳng là để cho phép các quốc gia ven biển khoanh kín lại những vùng nước mà do mối quan hệ gần gũi của chúng với đất liền, chúng có tính chất là vùng nước nội thủy. Theo UNCLOS, “những khu vực biển nằm ở phía trong đường cơ sở phải liên kết đủ mức gần gũi với đất liền để được áp dụng chế độ nội thủy” (Điều 7 khoản 3). Bằng cách sử dụng đường cơ sở thẳng, một quốc gia cũng có thể loại bỏ những mô hình phức tạp trong lãnh hải của mình, kể cả những vùng nước ngoài nằm kẹt ở trong lãnh hải, điều mà theo một cách khác có thể nảy sinh từ việc sử dụng đường cơ sở thông thường.

Một công trình nghiên cứu khác của Liên hợp quốc cũng đã tuyên bố rằng khi xác định xem liệu “các điều kiện có yêu cầu những gì cho phép việc sử dụng đường cơ sở thẳng không thì nhất thiết phải tập trung vào tinh thần và từ ngữ của Mục 1 Điều 7 của UNCLOS”. Như quan điểm nghiên cứu của các nhà địa lý học nổi tiếng trên thế giới cho rằng “đường cơ thẳng xác đáng thường có một số đoạn thẳng, mỗi đoạn thẳng lại được cấu thành bởi nhiều chặng xen giữa chúng là những phân đoạn có dấu mực nước thủy triều thấp nhất của bờ hải đảo

và bờ đất liền... Chiều dài của các chặng riêng lẻ là ngắn và đường cơ sở hiếm khi cách bờ biển trông trải hơn 24 hải lý”. Đơn vị để tính trên biển bằng hải lý và 1 hải lý = 1852 m. Điều 14 của UNCLOS công nhận rằng nên kết hợp các phương pháp để xác định loại đường cơ sở trong những khu vực cụ thể: “Quốc gia ven biển có thể xác định đường cơ sở lần lượt bằng những phương pháp đã được trù liệu trong các điều ở trên cho phù hợp với các điều kiện khác nhau”.

Phân nhiều đường bờ biển của Trung Quốc không đáp ứng hai điều kiện địa lý của UNCLOS được yêu cầu để áp dụng đường cơ sở thẳng. Trong phần lớn các trường hợp, các vùng nước được giới hạn bởi hệ thống đường cơ sở thẳng mới vạch đều không có liên quan gần gũi với đất liền, mà đúng ra chúng mang đặc điểm của vùng biển quốc tế hoặc của lãnh hải. Trong những khu vực ấy, đáng ra cần phải sử dụng đường cơ sở thông thường, tức đường ngăn nước thủy triều thấp nhất.

3. Phân tích yêu sách đường cơ sở thẳng của Trung Quốc

Hệ thống đường cơ sở của Trung Quốc bao gồm phân lục địa, đảo Hải Nam và quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam, với tuyên bố đường cơ sở thẳng đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng các quy định cơ bản của luật pháp quốc tế, luật Biển quốc tế hiện đại, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982 mà Trung Quốc là một thành viên.

4. Hệ thống đường cơ sở của Trung Quốc lục địa và đảo Hải Nam

Với 48 đoạn nối liền 49 điểm cơ sở có chiều dài tổng cộng 1734,1 hải lý, Trung Quốc đã yêu sách một dãy các đoạn đường cơ sở thẳng chạy từ bờ biển khu vực Đông Bắc suốt cho đến bờ Tây đảo Hải Nam. Các đoạn đường này có độ dài

từ 0,1 hải lý (đoạn 45 đến đoạn 46 trên đảo Hải Nam) đến 121, 7 hải lý (đoạn 8 đến đoạn 9 ở ngoài khơi bờ biển Đông Bắc Trung Quốc).

Như bảng 1 cho thấy, có trên một nửa số đoạn đường cơ sở (25 trong số 48) là có độ dài vượt quá 24 hải lý, trong đó có 3 đoạn (chiếm 6%) vượt quá 100 hải lý.

Bảng 1: ĐỘ DÀI CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CƠ SỞ DỌC THEO LỤC ĐỊA TRUNG QUỐC VÀ ĐẢO HẢI NAM

Độ dài (hải lý)	Số lượng các đoạn đường (%)
Dưới 24	23 (48%)
24,1 → 48	9 (19%)
48,1 → 100	13 (27%)
Trên 100	3 (6%)

Cả UNCLOS lẫn Công ước về Lãnh hải và Vùng tiếp giáp đều không đề ra giới hạn khoảng cách cụ thể cho độ dài của đường cơ sở thẳng. Tuy nhiên nhiều công trình phân tích đã đưa ra các giới hạn từ 24 đến 48 hải lý. Lập trường của Mỹ là theo quy tắc chung, thì các đoạn đường cơ sở không nên vượt quá 24 hải lý. Bài phân tích dưới đây tác giả đồng nhất với quan điểm độ dài tối đa không nên vượt quá 24 hải lý của các đoạn đường cơ sở thẳng và phù hợp với tập quán quốc tế hiện nay của các quốc gia ven biển.

Độ dài tối đa 24 hải lý của đoạn đường cơ sở được rút ra từ việc nghiên cứu kỹ các điều khoản của UNCLOS. Điều 7 (1) nói đến vùng “kê sát” bờ biển. Điều 7 (3) quy định rằng “các vùng biển nằm ở phía trong đường cơ sở cần phải

liên kết đủ mức gắn gũi với đất liền để được áp dụng chế độ nội thủy”. Cả hai điều mô tả trên đều có một ngụ ý rõ ràng đó là các vùng nước nếu muốn trở thành vùng nội thủy thì mặt khác vùng nước đó phải là một bộ phận của lãnh hải. Thật khó hình dung được một tình huống trong đó vùng biển quốc tế (bên ngoài giới hạn 12 hải lý kể từ đường mực nước thủy triều thấp nhất) lại có thể “liên kết đủ mức gắn gũi với đất liền” để được biến thành vùng nội thủy.

Những điểm trên đã được củng cố bởi điều 8 (2) đảm bảo quyền qua lại vô hại tại các khu vực được đường cơ sở thẳng biến thành vùng nội thủy. Quyền qua lại vô hại là một chế độ có thể được áp dụng cho lãnh hải (với bề rộng tối đa là 12 hải lý). Việc duy trì quyền qua lại vô hại sẽ đình chỉ các quyền đã có từ trước trong

những vùng nước được coi là lãnh hải xét theo một cách tự nhiên trước khi áp dụng đường cơ sở thẳng. Xét về vấn đề sự liên kết với lãnh hải cho thấy, như lệ thường, không một đoạn đường cơ sở thẳng nào có thể được phép vượt quá 24 hải lý theo luận điểm phân tích của các nhà nghiên cứu luật pháp hàng đầu trên thế giới.

Qua phân tích cho thấy, *độ dài và vị trí của nhiều đoạn đường cơ sở thẳng của Trung Quốc đã không đáp ứng các tiêu chuẩn được đưa ra trong UNCLOS*. Nhìn chung đường bờ biển của Trung Quốc từ bán đảo Sơn Đông (điểm 1 của đường cơ sở) tới khu vực Thượng Hải (điểm cơ sở ngoài khơi khu vực này là điểm 11) chủ yếu là bằng phẳng không có các đảo bao bên ngoài. Dọc theo phần bờ biển này chỉ có một vài chỗ ăn sâu vào đất liền có thể đáp ứng các tiêu chuẩn pháp lý về vùng vịnh.

Các điểm cơ sở từ điểm 1 đến điểm 5 được bố trí gần bán đảo Sơn Đông là nơi không có bờ biển thụt sâu vào đất liền và cũng không có các hòn đảo bao bên ngoài. Giữa điểm 2 và điểm 3 có hai chỗ thụt sâu vào đất liền mà có thể có các đường hợp pháp khép kín vịnh được vẽ ngang qua lối vào của vịnh. Tuy nhiên, ngay cả đường hợp pháp khép kín vịnh cũng không thể ảnh hưởng đến cách tính lãnh hải 12 hải lý vì còn có những điểm mốc khác ở ngoài biển cấu tạo thành đường khép kín. Trong khu vực cụ thể này (đó là lãnh hải được vẽ từ đoạn đường cơ sở 2 đến 30) có gần 20 hải lý vuông (tức 70 km²) lãnh hải được yêu

sách đáng ra là vẫn thuộc hải phận quốc tế. Ngoài ra, một số lượng khu vực đáng kể được yêu sách là vùng nội thủy mà đáng ra phải là lãnh hải.

Đoạn đường bờ biển của Trung Quốc nằm giữa điểm cơ sở 5 và 8 là tương đối bằng phẳng, chỉ có một số chỗ ăn sâu nhỏ mà có thể được khép kín bằng đường khép kín vịnh hợp pháp. Thành phố Thanh Đảo nằm trên vịnh lớn nhất trong số vịnh hợp pháp với UNCLOS. Điểm 6, 7 và 8 được ấn định trên những hòn đảo rất nhỏ nằm sát ngay khoảng 140 hải lý đường bờ biển (giữa 119°50' Đông và 122°15' Đông). Đoạn đường từ 6 đến 7 dài 84,1 hải lý và đoạn đường từ 7 đến 8 dài 71,8 hải lý. Khoảng cách của các điểm 6, 7 và 8 tới đất liền là khoảng 5,16 và 26 hải lý. Ngay sát đoạn đường 6 - 7 chỉ có một hòn đảo nhỏ nữa, còn ở gần đoạn 7 - 8 thì không có một hòn đảo nào cả. Xét vì số lượng đảo quá ít như vậy, nên khu vực ngoài khơi này không thể được coi là được bao bên ngoài bởi các dãy đảo. Vùng lãnh hải nên được vẽ từ đường cơ sở thông thường (đường mực nước thủy triều thấp nhất) của những hòn đảo nhỏ này, và từ đường mực nước thủy triều thấp nhất của lục địa (như đã được mô tả trên các hải đồ chính thức của Trung Quốc). Trong khu vực đó, Trung Quốc đã yêu sách khoảng 1.175 hải lý vuông (4.023 km²) lãnh hải đáng ra là hải phận quốc tế, và khoảng 600 hải lý vuông (2.055 km²) vùng nội thủy Trung Quốc mà đáng ra phải là hải phận quốc tế chiếu theo UNCLOS mà Trung Quốc là thành viên. Ngoài ra còn có một

số vùng đáng kể đã bị đòi là vùng nội thủy mà đáng ra nó phải là lãnh hải.

Các đoạn 8 - 9 (dài 121,7 hải lý) 9 - 10 (25,6 hải lý) và 10 - 11 (100,2 hải lý) nằm ở ngoài khơi bờ biển phía Đông của Trung Quốc trong một khu vực gò đồi ở mực nước thủy triều thấp. Trên tám hải đồ được sử dụng cho bài phân tích này (kèm theo tuyên bố ngày 15-5-1996), điểm 9 được xác định là nằm ngập trong nước dưới 3 mét. Điểm 10 được bố trí trên một gò đồi mực nước thủy triều thấp nhất, cách xa lục địa trên 12 hải lý. Ở ngay sát lục địa gần đoạn 8 - 9 và 9 - 10 không có một hòn đảo nào cả. Ngoài trừ có một số con sông đổ nước ra biển Hoàng Hải, ở khu vực này bờ biển lục địa tương đối bằng phẳng.

Theo hệ thống luật pháp quốc tế hiện đại, đặc biệt là UNCLOS một quốc gia có thể sử dụng đường thủy triều thấp của một gò đồi ở mức nước thấp làm đường cơ sở để từ đó đo bề rộng lãnh hải chỉ với điều kiện là gò đồi ở mức nước thấp đó nằm hoàn toàn hoặc một phần ở một trong khoảng cách không vượt quá bề rộng của lãnh hải đo từ đất liền hoặc một hòn đảo (theo quy định tại Điều 13 của UNCLOS). Trong trường hợp của Trung Quốc, đường thủy triều thấp nhất của bất cứ một gò đồi mực nước thấp nào nằm trong ngoài phạm vi 12 hải lý kể từ đất liền hoặc từ một hòn đảo đều có thể được sử dụng để xác định giới hạn lãnh hải. Có 8 gò mực nước thấp, kể gò trên đó có điểm cơ sở số 10, được mô tả trên hải đồ 94260 của Cục Bản đồ Quốc phòng Mỹ, các gò đồi này không thể được

sử dụng để xác định lãnh hải bởi vì không có chỗ nào trong số gò đó nằm trong phạm vi 12 hải lý kể từ đất liền hoặc từ một hòn đảo.

Ngoài ra, đường cơ sở thẳng không thể được vẽ qua và từ những gò đồi mực nước thấp, “trừ phi có các đèn biển được sử dụng thường xuyên dựng cao hơn mực nước biển đã được xây dựng ở đây, hoặc trừ những trường hợp mà vẽ đường cơ sở đi qua và từ những gò đồi như vậy đã được ý kiến công nhận chung của quốc tế” điểm này được quy định cụ thể ở điều 7 (4) của UNCLOS.

Như vậy, trong khu vực của đoạn 8 - 9, 9 - 10 và 10 đến 11, đường cơ sở đúng phải là đường mực nước thủy triều thấp của lục địa và của những gò đồi mực nước thấp nằm hoàn toàn hoặc một phần ở khoảng cách không vượt quá 12 hải lý kể từ đất liền. Như thế, trong khu vực này Trung Quốc đã yêu sách xấp xỉ 1.995 hải lý vuông (6.831 km²) lãnh hải mà đáng ra phải là hải phận quốc tế, và khoảng 550 hải lý vuông (1.880 km²) vùng nội thủy mà đáng ra phải là hải phận quốc tế, và một khu vực nội thủy rộng lớn mà đáng ra phải là lãnh hải. Điểm 11, nằm ở phía Đông Thượng Hải gần cửa sông Trường Giang (sông Dương Tử), được bố trí trên một hòn đảo nhỏ đơn độc và đáng ra không thể là một phần của hệ thống đường cơ sở thẳng.

Từ khoảng 30°50' Bắc (ở phía Đông Nam Thượng Hải và về phía đất liền của điểm 12) tới khoảng 27°30' Bắc, nằm ngay cạnh điểm 18 (trên Nanjishan Liedao), có một dãy đảo bao bên ngoài

gần lục địa có thể đáp ứng yêu cầu về dãy đảo bao bên ngoài của Điều 7(1) quy định trong UNCLOS. Tuy nhiên, trừ trường hợp ngoại lệ khả dĩ của điểm 16, 17 và có thể cả điểm 18, còn những điểm khác đều được đặt trên những hòn đảo nhỏ nằm tách biệt khỏi những hòn đảo gần bờ khác. Chẳng hạn điểm 12 và 13 được đặt trên bãi đá cách đất liền khoảng 60 hải lý kể từ quần đảo Maan Qundao (Maan Liedao), nơi mà đường cơ sở thẳng có thể có giá trị pháp lý. Điểm 14 và 15 cũng được đặt trên những hòn đảo không đáp ứng yêu cầu là dãy đảo bao bên ngoài phải “chạy dọc theo bờ biển ở sát bên”.

Các đoạn đường cơ sở nối điểm 18 qua điểm 24 nằm dọc theo dãy đảo phía Tây của eo biển Đài Loan. Mặc dù đường bờ biển ở khu vực này có đặc điểm là có nhiều chỗ ăn sâu vào đất liền và có một dãy đảo bao bên ngoài, nhưng cũng cần thiết phải sửa đổi một số điều trong hệ thống đường cơ sở hiện hành của Trung Quốc cho phù hợp với UNCLOS. Điểm 19 và 20 được đặt trên những gò nổi nhỏ nằm cách biệt khỏi “dãy đảo” khoảng 21 hải lý. Các đoạn 18 đến 19 (73,2 hải lý), 19 - 20 (14,3 hải lý) và 20 - 21 (50,3 hải lý) đã khoanh kín những vùng nước “không gắn kết gần gũi với đất liền”.

Tương tự, các điểm 22, 23 và 24 là những gò nổi không thuộc các hòn đảo bao quanh. Khu vực ven bờ ở về phía đất liền của các điểm trên đây có các hòn đảo bao quanh “ngay sát dọc theo bờ biển” mà trên đó đáng ra đường cơ sở thẳng có thể được vẽ.

Các đoạn 24 - 25 (30,8 hải lý), 25 - 26 (1,1 hải lý) và 26 - 27 (43,8 hải lý) là không thể biện minh được, vì những hòn đảo nhỏ trên đó không có đặt điểm 24, 25 và 26 không phải là những hòn đảo bao quanh. Đường bờ biển phía đất liền của điểm 24 tới điểm 27 có một số vịnh hợp pháp và những vùng lãnh hải ở những khu vực này cần phải được vẽ từ mực nước thủy triều thấp nhất của các hòn đảo và của đất liền, và từ đường khép kín vịnh hợp pháp.

Các đoạn 27 - 28 (84,6 hải lý), 28 - 29 (71,3 hải lý), 29 - 30 (66,8 hải lý) và 30 - 31 (25,4 hải lý) nối liền các điểm cơ sở đặt trên các hòn đảo và bãi đá nhỏ. Phần đất liền phía lục địa của đoạn 27 - 28 có một hoặc hai chỗ ăn sâu mà có thể được khép kín bởi các đường khép kín vịnh hợp pháp. Tuy nhiên điểm 28 là một hòn đảo nhỏ đơn độc cách đất liền 19 hải lý. Các đoạn 28 - 29 và 29 - 30 bao kín Hồng Kông và Macao. Điểm cơ sở số 31 là một bãi đá đơn độc, các đoạn đường cơ sở thẳng đáng ra phải được vẽ đúng từ điểm 30 chạy về phía Tây Tây Bắc nối liền một số hòn đảo lớn gần bờ với đất liền.

Đoạn đường cơ sở từ 31 - 32 (107,8 hải lý) nối bãi đá ở điểm 31 với một hòn đảo nhỏ nằm ở ngoài khơi bờ biển Đông Bắc đảo Hải Nam. Đoạn đường này cắt rời lối vào phía Đông của eo biển Hải Nam, mà eo biển này là một eo biển quốc tế. Ở đây Trung Quốc đã khoanh kín những vùng rộng lớn của hải phận quốc tế và coi chúng là vùng nội thủy. Điều này đã vi phạm các nguyên tắc cơ bản của luật

pháp quốc tế, luật Biển quốc tế, đặc biệt các quy định của UNCLOS. Đảo Hải Nam không hề có dãy đảo bao quanh mà chỉ có một vài hòn đảo nằm rải rác ở ngoài khơi. Trừ một số vịnh hẹp pháp nhỏ, đường cơ sở phải đáng ra là đường mực nước thủy triều thấp theo quy định của UNCLOS. Đường cơ sở thẳng chỉ có ảnh hưởng tối thiểu đến giới hạn lãnh hải của mình.

4.2. Hệ thống đường cơ sở Trung Quốc vạch ở quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam

Trung Quốc đã đặt 28 điểm cơ sở nối chúng với nhau để bao kín quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam và bất luận chủ quyền của quần đảo Hoàng Sa thuộc về Việt Nam thì đường cơ sở thẳng cũng không được vẽ ở khu vực này.

Quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam bao gồm khoảng hơn 30 đảo nổi, đảo chìm và bãi đá ngầm nhỏ nằm rải rác trên một khu vực rộng 16.000 km². Đảo lớn nhất trong quần đảo Hoàng Sa là đảo Phú Lâm với diện tích (khoảng 1,5 km²). Những gò nổi còn lại trong khu vực này là những hòn đảo nhỏ hơn, là những bãi đá nổi và bãi đá ngầm, một số trong số đó được mô tả là ở trên số liệu thủy triều. Trong khi một hòn đảo có thể đáp ứng được yêu cầu quy định tại Điều 7 của UNCLOS và có thể được áp dụng đường cơ sở thẳng, thì những tiêu chuẩn đó lại không được đáp ứng ở đây. Đường cơ sở đúng phải là đường mực nước thủy triều thấp nhất của các hòn đảo và bãi đá ngầm.

Trung Quốc sẽ không thể được phép thiết lập đường cơ sở thẳng bao quanh quần đảo Hoàng Sa, bởi vì UNCLOS đã tuyên bố rõ ràng rằng một quốc gia quần đảo “có nghĩa là một quốc gia được tạo thành hoàn toàn bởi một hoặc nhiều quần đảo và có khả năng gộp cả những hòn đảo khác” (Điều 46 của UNCLOS). Và một quần đảo “có nghĩa là một nhóm đảo, bao gồm cả các phần đảo, các vùng nước giữa các đảo và các gò nổi tự nhiên khác có liên kết chặt chẽ với nhau đến mức các hòn đảo, các vùng nước và các gò nổi tự nhiên ấy tạo thành một thực thể nội tại về mặt địa lý, kinh tế và chính trị, hoặc lịch sử đã coi chúng là như vậy” (Điều 47 của UNCLOS).

Với tư cách là một quốc gia lục địa, Trung Quốc không thể thiết lập được đường cơ sở thẳng của quần đảo bao quanh những hòn đảo. Hơn nữa đây là điều vi phạm chủ quyền của Việt Nam, vì quần đảo Hoàng Sa từ lâu đã thuộc chủ quyền của Việt Nam ít nhất là cho đến thế kỷ XVII Việt Nam đã xác lập chủ quyền đầy đủ và tuyệt đối về mặt nhà nước khi quần đảo Hoàng Sa chưa thuộc về bất kỳ một quốc gia nào.

5. Kết luận

Trung Quốc là một quốc gia lục địa với diện tích khoảng 9.600.000 km² nhưng đồng thời cũng là một quốc gia ven biển, có bờ biển dài khoảng 18.000 km. Trong lịch sử, Trung Quốc chủ yếu là một quốc gia hướng lục địa. Trung Quốc đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982 vào năm 1996. Tuy nhiên, trong quá

trình thực thi nghĩa vụ của một quốc gia ven biển Trung Quốc đã đi ngược lại với những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế hiện đại, luật Biển quốc tế, đặc biệt là những quy định của Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982 và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở khu vực Biển Đông được ký vào năm 2002 giữa Trung Quốc và ASEAN (DOC).

Với tuyên bố về hệ thống đường cơ sở thẳng vào ngày 15-5-1996 Trung Quốc đã vi phạm các nguyên tắc của UNCLOS, đồng thời vi phạm đặc biệt nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Tính chất nghiêm trọng hơn khi gần đây Trung Quốc đã có những hành động vi phạm trắng trợn đối với quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam qua các sự kiện ngày 26-5-2011 và sự kiện ngày 9-6-2011, khi cho các tàu Hải giám vào sâu trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam để cất cáp và phá cáp tàu thăm dò địa chấn Bình Minh 02 và tàu VikingII.

Gần đây nhất, vào ngày 16-9-2011, trả lời câu hỏi của phóng viên về phản ứng của Việt Nam về thông tin Trung Quốc cử tàu cá có trọng tải 1.000 tấn đến Trường Sa để hỗ trợ cho việc nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và hiện có 500 tàu cá thường xuyên hoạt động ở khu vực Trường Sa, cùng thông tin Trung Quốc phản đối Ấn Độ hợp tác với Việt Nam thăm dò dầu khí tại Lô 127, Lô 128 thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao

Việt Nam ông Lương Thanh Nghị nhấn mạnh “Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Mọi hoạt động của các bên tại khu vực này mà không có sự chấp thuận của Việt Nam là vi phạm chủ quyền của Việt Nam”.

Ông Lương Thanh Nghị nói, Việt Nam khẳng định các dự án hợp tác giữa Việt Nam với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, trong đó có các dự án hợp tác tại Lô 127, 128, nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, hoàn toàn thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982, phù hợp với tập quán và thực tiễn quốc tế và các thoả thuận đa phương và song phương mà Việt Nam ký kết. Các ý kiến phản đối sự hợp tác giữa Việt Nam với các đối tác nước ngoài tại thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý và vô giá trị.

Với những hành động vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Trung Quốc đối với vùng biển Việt Nam trong thời gian gần đây, không chỉ riêng Việt Nam mà cộng đồng quốc tế và khu vực đã phản đối những hành động sai trái của phía Trung Quốc qua các diễn đàn quốc tế và khu vực, đồng thời yêu cầu Trung Quốc chấm dứt những hành động tương tự, không nên làm phức tạp thêm tình hình ở khu vực Biển Đông trong khi các quốc gia hữu quan đang tìm kiếm những giải pháp

thích hợp nhất, dựa trên nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế hiện đại đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển quốc tế năm 1982 về giải quyết tranh chấp chủ quyền biển, đảo trong khu vực Biển Đông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Nghị quyết Trung ương IV khoá X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, (năm 2007).
2. Quyết định số 80/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hợp tác quốc tế về biển, (năm 2008).
3. Bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng về bảo vệ chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển và hải đảo của Tổ quốc, ngày 8-6-2011 tại thành phố Nha Trang, Khánh Hoà nhân kỷ niệm Tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam năm 2011.
4. Bài phát biểu của Đại tướng Phùng Quang Thanh Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam tại Hội nghị an ninh châu Á lần thứ 10 tổ chức tại Singapore ngày 5-6-2011.
5. Bài phát biểu của Thứ trưởng Ngoại giao Lê Lương Minh tại Hội nghị lần thứ 21 của các quốc gia thành viên Công ước 1982 tổ chức tại NewYork, Mỹ từ ngày 13 đến 17-6-2011.
6. Tài liệu tham khảo Kỹ yếu hội thảo quốc tế về Biển Đông (2010).
7. Các tham luận tại Hội thảo quốc tế về Biển Đông, do Bộ Ngoại giao Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 11-2011.
8. Nguyễn Thanh Minh (2011) Tiềm năng biển Việt Nam và chính sách hợp tác

quốc tế về biển trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

9. Nguyễn Thanh Minh (2010) Chính sách hợp tác về biển của Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 8 (2010).

10. Nguyễn Thanh Minh (2010) Thực trạng và giải pháp phát triển dịch vụ vận tải biển Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Tạp chí nghiên cứu các vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 10 (2010).

11. Nguyễn Thanh Minh (2011) Các biện pháp xây dựng lòng tin ở Biển Đông trong bối cảnh hiện nay. Tạp chí nghiên cứu các vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 9 (2011).

12. Nguyễn Thanh Minh (2011) Tài nguyên biển và chính sách hợp tác về biển của Việt Nam. Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 5 (2011).

Tài liệu bằng tiếng Anh

1. Jeannette Greenfield. China and the Law of the Sea. Trong Jamer Crawford và Donald R. Rothwell (chủ biên): The Law of the Sea in the Asian Pacific Region, Martinus, Nijhoff Publishers, Dordrecht, Boston, London, 1995, p, 21-40.
2. R. Deyanov. "The Role and Security Objective of Confidence - Building Measures at Sea", trong UN, Department for Disarmament Affairs, Naval Confidence - Building Measures" (1990).
3. Mark J Valencia, *Malaysia and the Law of the Sea*, Institute of Strategic and International Studies (ISIS) Malaysia, 1991.
4. Ramses & Nguyễn Hồng Thao, "The management of Vietnam border's disputes: What impacts on its sovereignty and regional intergration", *Contemporary Southeast Asia* Vol.27 N.3, December 2005, p. 427- 449.